

Số: /HD-SNN

Hà Tĩnh, ngày tháng 10 năm 2019

HƯỚNG DẪN

Thực hiện Tiêu chí Tổ chức sản xuất trong Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2019-2020

Thực hiện Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2019-2020; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện và hồ sơ đánh giá Tiêu chí Tổ chức sản xuất như sau:

I. Chỉ tiêu “Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu”

1. Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với sản phẩm chủ lực của xã

1.1. Đáp ứng các nội dung của chỉ tiêu “Thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt” tại Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2019-2020.

1.2. Đáp ứng các nội dung của chỉ tiêu 13.2 tại Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 07/02/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2017-2020, thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

1.3. Đáp ứng chỉ tiêu về hệ thống thủy lợi theo yêu cầu sau:

a) 100% diện tích sản xuất được cấp, tưới, tiêu, thoát nước chủ động và có áp dụng kỹ thuật tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

- 100% diện tích sản xuất được cấp, tưới, tiêu, thoát nước chủ động:

$$T_{\text{tưới}} = \frac{S_1}{S} \times 100(\%) \quad ; \quad T_{\text{tiêu}} = \frac{S_2}{S} \times 100(\%)$$

+ $T_{\text{tưới}}$: Tỷ lệ diện tích đất sản xuất được cấp, tưới nước chủ động (%)

+ $T_{\text{tiêu}}$: Tỷ lệ diện tích đất sản xuất được tiêu, thoát nước chủ động (%)

+ S: Diện tích của vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã (ha)

+ S_1 : Diện tích của vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã được cấp, tưới nước chủ động (ha)

+ S_2 : Diện tích của vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã được tiêu, thoát nước chủ động (ha)

- *Có áp dụng kỹ thuật tưới tiên tiến, tiết kiệm nước:*

$$T_{\text{tk}} = \frac{F_1}{F} \times 100(\%)$$

+ T_{tk} : Tỷ lệ diện tích đất sản xuất có ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (%)

+ F: Diện tích của vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã (ha)

+ F_1 : Diện tích của vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã có ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (ha)

T_{tk} được tính đối với các sản phẩm chủ lực của xã là cây trồng cạn tập trung (cam, bưởi, chè, rau củ quả...).

* Xã được đánh giá đạt chỉ tiêu “100% diện tích sản xuất được cấp, tưới, tiêu, thoát nước chủ động và có áp dụng kỹ thuật tưới tiên tiến, tiết kiệm nước” khi $T_{\text{tưới}}, T_{\text{tiêu}} = 100\%$ và $T_{\text{tk}} \geq 30\%$.

b) Chất lượng nước sử dụng cho sản xuất: Đáp ứng quy định tại cột B1 - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT

Các nguồn nước (hồ đập, sông suối...) phục vụ cấp, tưới nước cho vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã được kiểm tra chất lượng nước và phải đáp ứng theo quy định tại cột B1 - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

*** Hồ sơ đánh giá**

- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nội dung Thủy lợi trong chỉ tiêu “Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu”.

- Bảng kê diện tích được cấp, tưới nước chủ động và diện tích được tiêu, thoát nước chủ động của các vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã (có xác nhận của UBND cấp huyện).

- Bảng kê diện tích có ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước của các vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã (có xác nhận của UBND cấp huyện).

- Phiếu kết quả phân tích chất lượng mẫu nước các nguồn cấp, tưới nước cho vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

1.4. Quản lý chất thải trong quá trình sản xuất không gây ô nhiễm môi trường

a. Điều tra, thống kê, kiểm tra, đánh giá vùng sản xuất tập trung trên địa bàn xã đảm bảo về công tác bảo vệ môi trường.

b. Thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường đã cam kết trong các hồ sơ về môi trường, phân loại, xử lý chất thải (nước thải, khí thải và chất thải rắn); nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; ... trong đó đối với nội dung quản lý chất thải trong quá trình sản xuất phải đảm bảo yêu cầu sau:

- Về nước thải: Vùng sản xuất tập trung của xã phải có hệ thống tiêu thoát nước thải bảo đảm không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng và ngập úng; Có điểm thu gom nước thải và áp dụng biện pháp xử lý phù hợp trước khi đổ vào các kênh, mương, sông, hồ,...

- Về chất thải rắn:

+ Không để xảy ra tình trạng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý môi trường nông nghiệp hết hạn hoặc các vỏ bao bì, dụng cụ đựng các sản phẩm này sau khi sử dụng bị vứt, đổ bừa bãi ra môi trường. Riêng bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng phải được thu gom, vận chuyển và xử lý theo hướng dẫn tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/05/2016 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường; Tuyên truyền vận động người dân và

doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm theo quy định Điều 5 và Điều 6 Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/05/2016.

+ Có phương án phù hợp để thu gom, vận chuyển chất thải đến khu xử lý chất thải rắn hợp vệ sinh.

+ Điểm tập kết chất thải rắn trong vùng sản xuất (nếu có) phải đảm bảo đúng quy hoạch và hợp vệ sinh.

*** Hồ sơ đánh giá**

- Danh sách các cơ sở trong vùng sản xuất tập trung trên địa bàn xã đã có hồ sơ, thực hiện các biện pháp BVMT theo Biểu số 01.

- Hồ sơ môi trường của các cơ sở gồm: Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc Đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Báo cáo về các biện pháp bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, Giấy phép khai thác, xả thải nước thải vào nguồn nước theo quy định (nếu có); Phương án bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh; Báo cáo quan trắc môi trường định kỳ.

2. Sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm

a) Không sử dụng chất cấm trong quá trình sản xuất;

b) Hàm lượng kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, ô nhiễm vi sinh vật trong sản phẩm trồng trọt không vượt mức giới hạn tối đa cho phép; tồn dư hóa chất, kháng sinh trong các loại sản phẩm thịt, thủy sản và ô nhiễm vi sinh không vượt ngưỡng cho phép theo quy định hiện hành;

c) Đối với sản phẩm chủ lực của xã là mặt hàng thịt gia súc, gia cầm, yêu cầu: gia súc, gia cầm phải được giết mổ tại cơ sở giết mổ được cấp phép của cơ quan có thẩm quyền.

*** Hồ sơ đánh giá**

- Hồ sơ theo dõi và quản lý quá trình sản xuất;

- Hồ sơ theo dõi chất lượng sản phẩm:

+ Đối với các sản phẩm thuộc diện tự công bố sản phẩm (sản phẩm chế biến, bao gói sẵn) phải có Hồ sơ tự công bố chất lượng sản phẩm;.

+ Đối với các sản phẩm không thuộc diện tự công bố sản phẩm phải có Phiếu kết quả kiểm nghiệm chất lượng, an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng do phòng kiểm nghiệm được chứng nhận hoặc chỉ định của cơ quan có thẩm quyền (các Bộ, Tổng cục, Cục chuyên ngành).

3. Kinh doanh có hiệu quả

Sản phẩm chủ lực của xã có hiệu quả kinh tế cao (gấp tối thiểu 02 lần so với sản phẩm đại trà khác của xã tại cùng thời điểm đánh giá) và có tiềm năng mở rộng.

* **Hồ sơ đánh giá:** Báo cáo kết quả phát triển sản phẩm chủ lực của UBND xã.

4. Thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với đặc thù thiên tai, sinh thái và phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu của địa phương; giống cây trồng, vật nuôi hàng năm phải nằm trong Đề án sản xuất hàng vụ của tỉnh;

b) Kỹ thuật sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu (trong sử dụng phân bón, nước tưới,...).

II. Chỉ tiêu “Có ít nhất 2 HTX kiểu mới liên kết làm ăn có hiệu quả”

1. Hướng dẫn thực hiện

Có ít nhất 2 HTX hoạt động có hiệu quả, được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật HTX năm 2012, có liên kết với doanh nghiệp; trong đó: Có 01 HTX được xếp loại tốt, có liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã ổn định tối thiểu 02 năm.

2. Hồ sơ đánh giá

- Các HTX có đầy đủ hồ sơ: Điều lệ, giấy chứng nhận đăng ký HTX, giấy chứng nhận vốn góp của thành viên, danh sách thành viên, sổ kế toán... theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 của Luật HTX năm 2012 về chế độ lưu trữ tài liệu của HTX.

- Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá, phân loại HTX trên địa bàn huyện, thành phố, thị xã; Văn bản của UBND cấp huyện xác nhận kết quả xếp loại của HTX được lựa chọn đánh giá (kèm theo hồ sơ đánh giá, phân loại của HTX, báo cáo tài chính của HTX năm 02 năm liền kề trước thời điểm đánh giá).

- Hợp đồng liên kết với doanh nghiệp còn hiệu lực đến thời điểm đánh giá, biên bản thanh lý hợp đồng; hồ sơ liên quan khác (nếu có) như: Hóa đơn, phiếu xuất kho....

Với các nội dung nêu trên, yêu cầu các địa phương căn cứ triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPĐPNTM tỉnh;
- Giám đốc, các Phó GD Sở;
- Các chi cục thuộc Sở;
- Các trung tâm: KN và NS&VSMTNT;
- UBND các huyện, TP và TX;
- UBND các xã;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Việt

PHỤ LỤC I

Danh sách các cơ sở trong vùng sản xuất tập trung đã thực hiện các hồ sơ, thủ tục về bảo vệ môi trường
(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-SNN ngày tháng năm 2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày tháng năm 201

DANH SÁCH

Các cơ sở trong vùng sản xuất tập trung đã thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ và diện thoại liên hệ	Quy mô	Thời điểm hoạt động (năm)	Các biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện theo QĐ phê duyệt ĐTM hoặc thông báo xác nhận KHBVM	Đánh giá việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết theo các hồ sơ, thủ tục môi trường		Ghi chú
						Đảm bảo	Không đảm bảo, lý do	
1								
2								
3								
4								
...								

..... ngày tháng năm 201
Người lập biểu

..... ngày tháng năm 201
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

